

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/11/2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Kha

2. Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi – Thư ký Tòa án tỉnh Bắc Giang.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2017/QĐ-ST ngày 06/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Ngọc A Sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Tổ dân phố A, phường TX, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang cư trú tại Nhật Bản:

Chị A ủy quyền cho mẹ đẻ bà O, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ dân phố A, phường TX, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang nhận và nộp các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho mình, giấy ủy quyền có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Thành D Sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường TX, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai chị Đào Ngọc A là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn ngày 05/9/2016 tại Ủy ban nhân

dân phường TX, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị sang Nhật Bản tiếp tục học tập còn anh D ở lại Việt Nam làm thủ tục giấy tờ sang sau nhưng không sang được. Đến tháng 3/2017 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khoảng cách địa lý và vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không thể hòa hợp. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Từ đó đến nay chị và anh D không còn liên lạc với nhau nữa, ai có cuộc sống riêng của người đó, không ai chủ động liên lạc để hỏi thăm tình hình sức khỏe và cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ Thành D là bị đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn ngày 05/9/2016 tại Ủy ban nhân dân phường TX, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị A sang Nhật Bản tiếp tục học tập còn anh ở lại Việt Nam làm thủ tục giấy tờ sang sau nhưng anh không sang Nhật Bản được. Đến tháng 3/2017 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khoảng cách địa lý và vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không thể hòa hợp. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Từ đó đến nay anh và chị A không còn liên lạc với nhau nữa, ai có cuộc sống riêng của người đó, không ai chủ động liên lạc để hỏi thăm tình hình sức khỏe và cuộc sống của nhau. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị A làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang anh đồng ý. Anh đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A xử cho anh và chị A ly hôn nhau.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị A và anh D đều xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã công bố các bản tự khai của chị Anh, D có trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị A và anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt A, D.

[2]. Về thẩm quyền: Chị A có hộ khẩu thường trú tại Bắc Giang nhưng hiện nay đang du học tại Nhật Bản. Anh D có hộ khẩu thường trú tại Bắc Giang hiện nay đang sinh sống tại địa phương. Như vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh D có đăng ký kết hôn ngày 05/9/2016 tại Ủy ban nhân dân phường TX, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của chị A với anh D: Chị A và anh D đều xác định vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 3/2017 đến nay. Hai bên vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Chị A và anh D đều thống nhất ly hôn nhau. Vì vậy cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị A và anh D được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Chị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 nhưng chị A được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Ngọc A được ly hôn anh Đỗ Thành D.

2. *Về án phí*: Chị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/000412 ngày 05/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh D hiện đang ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết. Chị A hiện đang cư trú tại nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường TX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TT Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thân Quốc Hùng